

CƠ CHẾ HÒA GIẢI

ĐIỀU 1

Mục tiêu

Mục tiêu của Phụ lục này là để tạo thuận lợi cho việc tìm kiếm các giải pháp đồng thuận thông qua một thủ tục toàn diện và nhanh chóng với sự hỗ trợ của một hòa giải viên, nêu tại Điều 3.4 (Cơ chế hòa giải).

MỤC A

THỦ TỤC HÒA GIẢI

ĐIỀU 2

Yêu cầu cung cấp thông tin

1. Trước khi khởi xướng thủ tục hòa giải, một Bên có thể yêu cầu cung cấp, bất kỳ lúc nào và bằng văn bản, thông tin liên quan đến một biện pháp có tác động bất lợi đến đầu tư giữa các Bên. Bên được yêu cầu cung cấp thông tin phải gửi văn bản trả lời cung cấp các ý kiến phản hồi của mình về thông tin được yêu cầu trong vòng 20 ngày.
2. Khi Bên được yêu cầu thấy rằng việc trả lời trong vòng 20 ngày là không khả thi, Bên đó sẽ thông báo cho Bên yêu cầu lý do của việc chậm trễ, cùng với dự kiến thời hạn ngắn nhất để có thể trả lời.

ĐIỀU 3

Khởi xướng thủ tục hòa giải

1. Bất cứ lúc nào, một Bên cũng có thể yêu cầu các Bên tham gia thủ tục hòa giải. Yêu cầu này được gửi cho bên kia bằng văn bản. Yêu cầu phải được trình bày chi tiết đầy đủ để trình bày rõ ràng những quan ngại của Bên yêu cầu và phải:

- (a) chỉ rõ biện pháp cụ thể đang tranh chấp;
- (b) đưa ra bản trình bày về các tác động bị cho là bất lợi mà Bên yêu cầu cho rằng biện pháp đó có hoặc có thể có đối với đầu tư giữa các Bên; và
- (c) giải thích Bên yêu cầu cho rằng các tác động đó có mối liên hệ với biện pháp như thế nào.

2. Thủ tục hòa giải chỉ có thể khởi xướng bằng sự đồng thuận giữa các Bên. Bên được yêu cầu theo quy định tại khoản 1 cần xem xét trên tinh thần thiện chí những yêu cầu và trả lời bằng cách chấp nhận hoặc từ chối yêu cầu bằng văn bản trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận yêu cầu.

ĐIỀU 4

Lựa chọn hòa giải viên

1. Khi thủ tục hòa giải bắt đầu, các Bên phải nỗ lực thỏa thuận lựa chọn một hòa giải viên không muộn hơn 15 ngày kể từ ngày nhận được trả lời yêu cầu nêu tại khoản 2 Điều 3 (Khởi xướng thủ tục hòa giải) của Phụ lục này.

2. Trong trường hợp các Bên không thể thỏa thuận chọn hòa giải viên trong thời hạn quy định tại khoản 1, một trong hai Bên có thể yêu cầu chủ tịch Ủy ban hoặc người được chủ tịch ủy quyền, lựa chọn hòa giải viên bằng cách bốc thăm từ danh sách được lập theo Điều 15.23 (Danh sách trọng tài viên). Đại diện của cả các Bên sẽ được mời, với thông báo thích hợp, để có mặt khi buổi bốc thăm diễn ra. Trong mọi trường hợp, việc bốc thăm sẽ được tiến hành với sự có mặt của một Bên hoặc các Bên.

3. Chủ tịch Ủy ban hoặc người được chủ tịch ủy quyền, phải chọn trọng tài viên trong thời hạn năm ngày kể từ ngày nhận trả lời theo quy định tại khoản 2 từ một trong hai Bên.
4. Nếu danh sách quy định tại Điều 3.23 (Danh sách trọng tài viên) chưa được lập vào thời điểm yêu cầu theo Điều 3 (Khởi xướng thủ tục hòa giải) của Phụ lục này, thì hòa giải viên sẽ được chọn ra bằng cách bốc thăm từ các cá nhân đã được chính thức đề nghị bởi một hoặc cả hai Bên.
5. Hòa giải viên không được là công dân của một trong hai Bên, trừ khi các Bên có thoả thuận khác.
6. Hòa giải viên sẽ hỗ trợ các Bên một cách minh bạch và công bằng trong việc làm rõ biện pháp đang tranh chấp và nguy cơ tác động thương mại của nó và nhằm đạt được giải pháp đồng thuận. Phụ lục 8 (Quy tắc ứng xử của trọng tài viên và hòa giải viên) áp dụng cho hòa giải viên *với những sửa đổi phù hợp*. Các Quy tắc từ 3 đến 7 (Thông báo) và 44 đến 48 (Biên dịch và phiên dịch) của Phụ lục 7 (Quy tắc Tổ tụng Trọng tài) sẽ áp dụng *với những sửa đổi phù hợp*.

ĐIỀU 5

Quy tắc của thủ tục hòa giải

1. Trong thời hạn 10 ngày sau khi chỉ định hòa giải viên, Bên viện dẫn thủ tục hòa giải phải trình bày bằng văn bản mô tả chi tiết về vấn đề tranh chấp cho hòa giải viên và cho Bên kia, cụ thể là việc áp dụng của biện pháp đang tranh chấp và tác động thương mại của nó. Trong vòng 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản mô tả, Bên kia sẽ đưa ra bình luận bằng văn bản đối với bản mô tả vấn đề. Một trong hai Bên có thể gửi kèm trong bản mô tả hoặc bình luận của mình bất kỳ thông tin nào mà Bên đó cho là có liên quan.
2. Hòa giải viên có thể quyết định cách thức phù hợp nhất để làm rõ biện pháp đang tranh chấp và khả năng tác động đến thương mại. Cụ thể là, hòa giải viên có thể tổ chức các phiên họp giữa các Bên, tham vấn chung hoặc riêng với các Bên, tìm kiếm sự hỗ trợ hoặc tham vấn với các chuyên gia và các bên liên quan và cung cấp hỗ trợ bổ sung theo yêu cầu của các Bên. Trước khi tìm kiếm sự hỗ trợ hay tư vấn của các chuyên gia và các bên có liên quan, hòa giải viên phải tham vấn của các Bên.
3. Hòa giải viên có thể đưa ra tư vấn và đề xuất giải pháp để các Bên xem xét chấp nhận hoặc từ chối giải pháp được đề xuất hoặc có thể thoả thuận một giải pháp khác. Hòa giải viên không được tư vấn hoặc đưa ra bình luận về sự phù hợp của biện pháp đang tranh chấp.

4. Các thủ tục hòa giải được tiến hành trong lãnh thổ của Bên được yêu cầu hoặc tại bất kỳ vị trí khác hoặc bằng bất kỳ phương thức nào khác thông qua đồng thuận.

5. Các Bên nỗ lực để đạt được một giải pháp đồng thuận trong vòng 60 ngày kể từ ngày chỉ định hòa giải viên. Cho đến khi có được thỏa thuận cuối cùng, các Bên có thể xem xét các giải pháp tạm thời hợp lý, đặc biệt là nếu biện pháp liên quan đến hàng hóa dễ hỏng.

6. Giải pháp có thể được thông qua bằng quyết định của Ủy ban. Một trong hai Bên có thể đưa ra giải pháp này phụ thuộc vào việc hoàn thành các thủ tục nội bộ cần thiết. Các giải pháp đồng thuận sẽ được công bố công khai. Nội dung công bố công khai không được chứa bất kỳ thông tin mà một Bên coi là bí mật.

7. Theo yêu cầu của các Bên, hòa giải viên phải gửi cho các Bên một dự thảo báo cáo thực tế tóm tắt ngắn gọn về:

(a) biện pháp đang tranh chấp trong thủ tục hòa giải;

(b) các thủ tục tiếp theo; và

(c) bất kỳ giải pháp đồng thuận nào đạt được như kết quả cuối cùng của thủ tục hòa giải, bao gồm các giải pháp tạm thời hợp lý.

Hòa giải viên phải cho các Bên 15 ngày để bình luận đối với dự thảo báo cáo về các tình tiết thực tế. Sau khi xem xét bình luận của các Bên được gửi trong thời hạn trên, hòa giải viên phải gửi bằng báo cáo về các tình tiết cuối cùng bằng văn bản cho các Bên trong vòng 15 ngày. Báo cáo về các tình tiết sẽ không bao gồm bất kỳ giải thích nào về Hiệp định này.

8. Thủ tục sẽ bị đình chỉ:

(a) bằng việc thông qua một giải pháp được các Bên đồng thuận, vào ngày thông qua giải pháp này;

(b) bằng sự đồng thuận của các Bên tại bất kỳ giai đoạn nào của thủ tục hòa giải, vào ngày đạt được sự đồng thuận đó;

(c) bằng một tuyên bố bằng văn bản của hòa giải viên, sau khi tham vấn với các Bên, rằng các nỗ lực hòa giải sẽ không đem lại kết quả, vào ngày đưa ra tuyên bố, hoặc

(d) bằng một tuyên bố bằng văn bản của một Bên sau khi cân nhắc các giải pháp hai Bên thoả thuận theo thủ tục hòa giải và sau khi xem xét bất kỳ tư vấn và các giải pháp được đề xuất nào của hòa giải viên, vào ngày đưa ra tuyên bố đó.

MỤC B

THI HÀNH

ĐIỀU 6

Thi hành giải pháp đồng thuận

1. Khi các Bên đã thoả thuận được một giải pháp, mỗi Bên sẽ áp dụng các biện pháp cần thiết để thi hành giải pháp đồng thuận đó trong thời hạn được thoả thuận.
2. Bên thi hành có trách nhiệm thông báo cho Bên kia bằng văn bản về bất biện pháp hoặc trình tự nào được áp dụng để thi hành giải pháp đã thoả thuận.

MỤC C

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 7

Bảo mật và mối quan hệ với giải quyết tranh chấp

1. Trừ khi các Bên có thoả thuận khác, và không ảnh hưởng đến khoản 6 Điều 5 (Quy tắc của thủ tục hòa giải) của Phụ lục này, tất cả các trình tự của thủ tục hòa giải, bao gồm bất kỳ tư vấn hoặc giải pháp đề xuất nào, đều được giữ bí mật. Tuy nhiên, bất kỳ Bên nào cũng có thể công bố công khai về việc hòa giải đang được tiến hành.

2. Thủ tục hòa giải không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên quy định tại Chương 3 (Giải quyết tranh chấp) và bất kỳ thỏa thuận nào khác.

3. Tham vấn theo Chương 3 (Giải quyết tranh chấp) là không cần thiết trước khi bắt đầu các thủ tục hòa giải. Tuy nhiên, một Bên nên vận dụng những điều khoản hợp tác hay tham vấn có liên quan khác trong Hiệp định này trước khi bắt đầu các thủ tục hòa giải.

4. Một Bên không được dựa vào hoặc đưa ra làm bằng chứng trong thủ tục giải quyết tranh chấp khác theo Hiệp định này hoặc bất kỳ hiệp định nào khác, hoặc một hội đồng trọng tài cũng không xem xét:

(a) quan điểm của Bên kia trong quá trình hòa giải hoặc các thông tin thu được theo khoản 2 Điều 5 (Quy tắc thủ tục hòa giải) của Phụ lục này;

(b) việc Bên kia đã chỉ rõ ý định của Bên đó chấp nhận giải pháp cho biện pháp tranh chấp theo thủ tục hòa giải; hoặc

(c) tư vấn hoặc đề xuất của hòa giải viên.

5. Hòa giải viên không được đóng vai trò một trọng tài viên hoặc thành viên hội đồng trọng tài trong thủ tục tố tụng giải quyết tranh chấp theo Hiệp định này hoặc theo Hiệp định WTO liên quan đến cùng một vấn đề mà người này đã từng là hòa giải viên.

ĐIỀU 8

Thời hạn

Bất kỳ thời hạn nêu tại Phụ lục này cũng có thể được sửa đổi bằng đồng thuận giữa các Bên.

ĐIỀU 9

Chi phí

1. Mỗi Bên phải tự chịu chi phí của mình phát sinh trong quá trình tham gia thủ tục hòa giải.

2. Các bên sẽ chia đều các chi phí liên quan vấn đề tổ chức, bao gồm cả tiền thù lao và các khoản chi phí cho hòa giải viên. Tiền thù lao của hòa giải viên được trả phù hợp với mức tiền thù lao của chủ tịch hội đồng trọng tài theo Quy tắc 12 của Quy tắc tổ tụng trọng tài quy định tại Phụ lục 7 (Quy tắc tổ tụng trọng tài).
